TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04 -7-2024
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH - TỈNH LONG AN

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2.*Bị đơn*: ông Ngô Duy K, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông K có quen biết, tìm hiểu nhau trước tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 10/10/2013 tại UBND thị trấn T, huyện T. Hai bên chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, cũng như ông K sống không chung thủy, nên trong cuộc sống không hạnh phúc, vì

vậy giữa bà và ông K sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Hiện nay bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ngô Duy K: Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng ông K vắng mặt. Đồng thời bà H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, nên Tòa án không tổ chức hòa giải mà chỉ tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] Bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Duy K đăng ký kết hôn ngày 10/10/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp, nay bà H xin ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tung dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Đối với bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, còn ông Ngô Duy K, Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng ông K vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Xét thấy, sau khi kết hôn bà H và ông K sống hạnh phúc được thời gian thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà H và ông K lúc chung sống thường bất đồng quan điểm với nhau. Ngoài ra ông K không quan tâm đến vợ và thường kiếm chuyện chửi mắn bà H, từ đó mâu thuẫn tình cảm ngày càng trầm trọng, đến tháng 10/2023 bà H và ông K đã sống ly thân đến nay. Đối với ông Ngô Duy K, Tòa án tống đạt biên bản kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng và yêu cầu ly hôn của bà H, nhưng đến nay ông K không có văn bản hay ý kiến gì đối với yêu cầu của bà H. Đồng thời ông K vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, vì vậy cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà H và ông K không đạt được và cuộc sống chung không thể kéo dài, nay bà H yêu cầu giải quyết ly hôn với ông K là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H xác định trong thời gian chung sống với ông K không có con chung, nên không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông K không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39 khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1.Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Ngô Duy K.

2.Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003596 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, sang thành án phí.

B, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Tân Thạnh;*
- *Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND thị trấn Tân Thạnh;*
- *Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hoàng